

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS - ST  
Ngày: 05 - 7- 2021  
V/v tranh chấp di sản thừa kế.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Thọ

Ông Lưu Minh Sửu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Lê Diệu Linh. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T .

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T :** Ông Đỗ Văn Huy. Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST/DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐ - HPT ngày 07/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐ - HPT ngày 07 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1948. Có mặt

Địa chỉ: Thôn T xã Đ , huyện Y , tỉnh T .

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn P , sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Thôn H xã X , huyện T , tỉnh T

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lê Văn T , sinh năm 1939. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố 9, phường B , thị xã B , tỉnh T .

*Người được ông Lê Văn T ủy quyền:*

Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1948. Có mặt

Địa chỉ: Thôn T xã Đ , huyện Y , tỉnh T .

Theo Giấy ủy quyền ngày 02/3/2020

2. Ông Nguyễn Văn H , sinh năm 1946. Có mặt

Địa chỉ: Thôn H , xã X , huyện T , tỉnh T

3. Bà Nguyễn Thị C , sinh năm 1955. Có mặt

Địa chỉ: Thôn P , thị trấn L , huyện T , tỉnh T

4. Bà Nguyễn Thị Đ , sinh năm 1956. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Đ , xã X , huyện T , tỉnh T

5. Anh Nguyễn Văn T , sinh năm 1971. Có mặt

Địa chỉ: Thôn H xã X huyện T , tỉnh T

6. Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1973. Có mặt

Địa chỉ: Thôn H thị trấn L , huyện T , tỉnh T .

*Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị Doãn Thị T , sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Số 202, tổ 27, phường Đ, quận L , Thành Phố H

7 . Anh Nguyễn Văn Q , sinh năm 1982. Vắng mặt

8. Chị Lê Thị H , sinh năm 1987. Vắng mặt

9. Chị Phạm Thị T , sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Thôn H xã X , huyện T , tỉnh T .

10. Quỹ tín dụng X

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Xuân V - Chủ tịch HĐQT. Vắng mặt

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Doãn L - Giám đốc. Vắng mặt.

*Người làm chứng:* 1. Ông Lê Văn C , sinh năm 1956. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Đ xã X , huyện T , tỉnh T .

2. Ông Mai Xuân T , sinh năm 1958. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn H xã X , huyện T , tỉnh T .

### **NHẬN THẤY**

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày: Bố tôi là ông Nguyễn Văn K , sinh năm 1915 kết hôn với mẹ tôi là bà Lê Thị V , sinh năm 1914, sinh được 5 người con gồm: ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1940, chết tháng 01/2020), ông Nguyễn Văn Hu (sinh năm 1946), tôi là Nguyễn Thị T (sinh năm 1948), Nguyễn Thị C (sinh năm 1955) và Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1959). Ngoài ra bố mẹ tôi còn nhận một người con nuôi là ông Lê Văn T , sinh năm 1939.

Năm 2000 mẹ tôi chết, đến năm 2016 bố tôi chết. Sau khi chết bố mẹ tôi để lại khối tài sản là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn H xã X , huyện T, tỉnh T ; Diện tích 432,5 m<sup>2</sup>. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GC 196822, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 4599 ngày 14/11/2016, mang tên hộ ông Nguyễn Văn K , trên đất có 01 ngôi nhà cấp bốn 04 gian. Hiện nay ngôi nhà đã cũ hỏng, anh P đã tháo dỡ. Hiện tại trên thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 gồm có: 01 ngôi nhà hai tầng do anh Nguyễn Văn P xây dựng năm 2018, trên diện tích 142m<sup>2</sup> có chiều rộng mặt đường tính lộ 506B là 05m; Anh Nguyễn Văn Q đã xây dựng 01 ngôi nhà 02 tầng và nhà cấp 4 phía sau trên diện tích đất 147m<sup>2</sup> có chiều rộng mặt đường là 5,5m; 01 nhà cấp 4(nhà thờ) diện tích 22,14m<sup>2</sup> do anh Nguyễn Văn P xây dựng năm 2019 trên diện tích đất còn lại 143,5 m<sup>2</sup> có chiều rộng mặt đường là 5,96m.

Khi còn sống, bố mẹ tôi đã cho ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Hu mỗi người 10m mặt đường. Ông Hu đã làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất bố mẹ tôi cho ông H 10m mặt đường thì ông H đã chuyển nhượng cho ông Lê Đình Đ 05m mặt đường , diện tích 136,9m<sup>2</sup> và đã tách thành thửa đất số 77 tờ bản đồ số 14 cùng địa chỉ thôn H xã X , huyện T , tỉnh T . Phần còn lại 05m mặt đường chưa tách thửa và chưa làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vẫn nằm trong diện tích 432,5 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn K .

Bố mẹ tôi sau khi chết có để lại 03 di chúc gồm: Bản di chúc thứ 1: Giấy thừa kế đề ngày 01/01/2005. Nội dung Di chúc: Để lại cho con trai Nguyễn Văn H 05m đất mặt đường, dài 25m. Còn lại giao cho 02 con là Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T ; Bản di chúc thứ 2: Di chúc ngày 16/4/2015. Nội dung di chúc: Để lại cho con trai Nguyễn Văn H được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn K ; Bản di chúc thứ 3: Bản di chúc ngày 28/4/2015. Nội dung di chúc: Ông bà đã cho con trai Nguyễn Văn H 10m mặt đường; Đã cho con trai Nguyễn Văn Hu 11m mặt đường; Phần còn lại nhà cấp 4 và diện tích 377m<sup>2</sup> ủy quyền cho các con gồm: Nguyễn Văn H , Nguyễn Thị T , Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm tu bổ, thờ cúng tổ tiên lâu dài, không có quyền bán, chuyển nhượng, đổi chác hay tặng cho ai.

Trong ba bản di chúc bố tôi để lại thì tôi đã giao nộp cho Tòa án bản gốc Bản di chúc thứ 1 ngày 01/01/2005; Bản di chúc thứ 3 ngày 28/4/2015 do ông Nguyễn Văn H giữ bản gốc và đã po to cho các chị em tôi mỗi người 01 bản.

Hiện nay ông H đã chết nên Bản gốc di chúc thứ 3 không còn nên tôi không có bản gốc để giao nộp cho Tòa án. Đối với Bản di chúc thứ 2 ngày 16/4/2015 chỉ mình ông H cất giữ, tất cả mọi người đều không biết đến Bản di chúc này. Hiện nay anh P đã giao nộp cho Tòa án bản gốc của bản di chúc thứ 2.

Nay bản di chúc cuối cùng ngày 28/4/2021 không có người làm chứng và không còn bản gốc nên tôi đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ tôi để lại là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn H xã huyện T, tỉnh T; Diện tích 432,5 m<sup>2</sup> theo pháp luật cho các đồng thừa kế. Phần nhà cấp 4 trên đất đã cũ hỏng và không còn nên tôi không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn P trình bày: Ông bà nội tôi sinh được 05 người con và 01 người con nuôi như bà T trình bày là đúng. Sau khi ông bà nội tôi chết để lại khối tài sản như bà T trình bày là đúng. Hiện tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn H xã X, huyện T, tỉnh T; Diện tích 432,5 m<sup>2</sup> do tôi đang quản lý, tôi đã xây dựng nhà ở diện tích 142 m<sup>2</sup> trên thửa đất này, anh trai tôi là Nguyễn Văn Q đã xây dựng nhà ở khoảng 147m<sup>2</sup>, hiện tại diện tích đất còn lại khoảng 143,5 m<sup>2</sup> tôi đã xây dựng nhà thờ, lát sân gạch và cổng sắt trên đất. Bố tôi là ông Nguyễn Văn H kết hôn với mẹ tôi là bà Nguyễn Thị Q sinh được hai anh em tôi là Nguyễn Văn Q và tôi là Nguyễn Văn P. Ngoài ra tôi không biết bố tôi có con nào khác nữa. Sau khi bố tôi chết có để lại cho tôi 01 bản di chúc của ông nội tôi để lại, tôi đã giao nộp bản gốc bản di chúc ngày 16/4/2015 cho Tòa án. Nay tôi yêu cầu chia di sản thừa kế của ông bà nội tôi để lại theo di chúc ngày 16/4/2015 của ông nội Nguyễn Văn K. Ngoài ra phần nhà thờ, sân gạch, cổng sắt tôi đã xây dựng trên phần diện tích đất còn lại thì tôi yêu cầu được nhận lại giá trị bằng tiền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T tham gia tố tụng. Tại Bản tự khai ngày 21/02/2021 ông Lê Văn T trình bày: Bố tôi là cụ Nguyễn Văn K, mẹ tôi là cụ Nguyễn Thị V sinh được 05 người con và nhận tôi là con nuôi khi tôi còn bé mới 02 tháng tuổi. Năm 1959 tôi nhập ngũ tham gia kháng chiến chống Pháp. Trong kháng chiến tôi bị thương, hiện nay tôi đang hưởng chế độ thương binh, sức khỏe không tốt nên tôi ủy quyền cho em gái là bà Nguyễn Thị T tham gia giải quyết tại Tòa án. Khi còn sống bố mẹ tôi đã cho chú H và chú Hu mỗi người 10m mặt đường. Phần diện tích đất còn lại 10m mặt đường bố tôi để lại làm nơi thờ cúng. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Hu trình bày: Tôi công nhận bố mẹ tôi sau khi chết để lại 03 bản di chúc và khối tài sản như cô T trình bày là đúng. Khi bố mẹ tôi còn sống đã chia đất cho tôi và ông H mỗi

người 10m mặt đường. Tôi đã tách thửa và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất của bố mẹ tôi để lại, tôi đề nghị Tòa án chia theo pháp luật cho những người con khác của bố mẹ tôi. Phần tôi đã được chia từ trước nên tôi không yêu cầu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C trình bày: Tôi đồng ý với ý kiến của bà T và ông H. Trước đây khi còn sống bố mẹ tôi đã chia đất cho anh H và anh Hu, diện tích đất bố mẹ tôi để lại thì tôi đề nghị chia theo pháp luật, chia đều cho 4 người con còn lại của bố mẹ tôi. Phần của tôi đề nghị chia bằng hiện vật và tôi giao lại cho bà T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Tôi đồng ý với ý kiến của bà T, ông Hu và bà C. Tôi yêu cầu chia phần di sản bố mẹ tôi để lại theo pháp luật. Phần của tôi đề nghị chia bằng hiện vật và tôi giao lại cho bà T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T trình bày: Bố tôi là ông Nguyễn Văn H kết hôn với mẹ tôi là Nguyễn Thị C vào năm 1969. Bố mẹ tôi sinh được hai anh em tôi là Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 và Nguyễn Thị H sinh năm 1973. Năm 1977 bố mẹ tôi ly hôn. Năm 1982 bố tôi chung sống với bà Nguyễn Thị Q sinh được 02 em là Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn P. Nay bà T yêu cầu chia di sản thừa kế của ông bà nội tôi để lại thì tôi đồng ý với ý kiến của bà T, ông Hu và bà C, bà Đ. Tôi yêu cầu chia di sản thừa kế của ông bà nội tôi để lại theo pháp luật cho các đồng thừa kế. Phần của bố tôi chia đều cho các con gồm tôi, chị H, anh P và anh Q. Phần tôi được hưởng theo phần của bố tôi thì tôi giao lại cho em Nguyễn Thị H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H trình bày: Tôi đồng ý với ý kiến của bà T, ông Hu và bà C, bà Đ và anh T. Tôi yêu cầu chia di sản thừa kế của ông bà nội tôi để lại theo pháp luật. Phần của bố tôi chia đều cho các con gồm tôi, anh T, anh P và anh Q. Phần anh T được hưởng cho tôi thì tôi xin được nhận.

Người được Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà C, bà Đ, anh T và chị H ủy quyền là chị Doãn Thị T trình bày ý kiến: Cả ba bản di chúc đều trái quy định của pháp luật nên không có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị HĐXX chia di sản thừa kế theo pháp luật. Cụ thể phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn K để lại là diện tích 432,5m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn H xã X, huyện T, tỉnh T (Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14) cho 06 người con của cụ ông Nguyễn Văn K mỗi người sẽ hưởng một phần bằng nhau, bằng 1/6 trong tổng số 432,5m<sup>2</sup> đất và tài sản gắn liền với đất; Phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H để lại 1/6 di sản của cụ K cho 04 người con của ông H. Theo đó mỗi người sẽ được hưởng 1/4 kỳ phần thừa kế mà ông H được hưởng từ cụ K. Tức là mỗi người sẽ được hưởng 1/24 di sản thừa kế của cụ K để lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Q trình bày tại bản tự khai ngày 15/3/2021: Ông nội tôi là ông Nguyễn Văn K kết hôn với bà nội là Lê Thị V sinh được 05 người con và 01 người con nuôi. Bố tôi là ông Nguyễn Văn H kết hôn với mẹ tôi là bà Nguyễn Thị Q sinh được 02 anh em tôi là Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn P. Bố tôi đã chăm sóc ông bà nội tôi đến khi qua đời nên được ông bà nội để lại cho 01 ngôi nhà 04 gian và diện tích đất ở 432,5m<sup>2</sup>. Khi bố tôi còn sống đã xây dựng cho tôi và em trai Nguyễn Văn P mỗi người một ngôi nhà và xây dựng nhà thờ trên thửa đất của ông bà nội để lại. Nay bà T yêu cầu chia thừa kế thì tôi yêu cầu được sử dụng ngôi nhà mà tôi đang ở và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị T trình bày tại bản tự khai ngày 08/4/2021 và tại phiên tòa: Chị T là vợ của anh Nguyễn Văn Q. Hiện tại vợ chồng chị T và anh Q đã xây dựng công trình nhà ở trên diện tích đất 147m<sup>2</sup> do ông bà nội để lại. Nay bà T yêu cầu chia di sản thừa kế thì chị đồng ý chia theo pháp luật và yêu cầu được sở hữu toàn bộ công trình nhà ở trên diện tích đất 147 m<sup>2</sup> do ông bà nội để lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H trình bày tại bản tự khai ngày 28/4/2021: Chị H là vợ của anh Nguyễn Văn P. Hiện tại vợ chồng chị H và anh P đã xây dựng công trình nhà ở trên diện tích đất 142m<sup>2</sup> do ông bà nội để lại. Nay bà T yêu cầu chia di sản thừa kế thì chị đồng ý chia theo quy định pháp luật và yêu cầu được sở hữu toàn bộ công trình nhà ở trên diện tích đất 142 m<sup>2</sup> do ông bà nội để lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Quỹ tín dụng Xuân Thiên do ông Ngô Doãn L đại diện theo ủy quyền trình bày tại bản tự khai ngày 05/6/2021: Ngày 23/02/2021 tại Văn phòng quỹ tín dụng Xuân Thiên anh Nguyễn Văn P và vợ là chị Lê Thị H đã ký Hợp đồng tín dụng số 20211 - 00088/HĐTD. Theo Hợp đồng anh P và chị H vay quỹ tín dụng số tiền 50.000.000đ có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG196822 mang tên ông Nguyễn Văn K. Nay quỹ tín dụng X đề nghị Tòa án nhân dân huyện T

khi chia thừa kế yêu cầu người hưởng quyền lợi là anh Nguyễn Văn P thanh toán nợ cho Quỹ tín dụng X .

Người làm chứng là ông Lê Văn C trình bày tại Bản tự khai ngày 24/6/2021 và tại phiên tòa: Ông Lê Văn C là chồng của bà Nguyễn Thị Đ , là con rể út của cụ Nguyễn Văn K . Vào ngày 28/4/2015 cụ K có gọi các con về tại nhà ở thôn H c xã X , huyện T , tỉnh . Các con của cụ K có mặt gồm: Ông Nguyễn Văn H , ông Nguyễn Văn Hu , bà Nguyễn Thị T , bà Nguyễn Thị C , bà Nguyễn Thị Đ và tôi là con rể út của cụ K . Ngày hôm đó cụ K nhờ tôi viết hộ Bản di chúc ngày 28/4/2015 trong khi có đủ 05 người con đẻ của cụ K . Tôi là người viết hộ Bản di chúc ngày 28/4/2015 với những nội dung như sau: “ Con trai Nguyễn Văn H ông bà đã cho 10m mặt đường, con trai Nguyễn Văn Hu ông bà đã cho 10 m mặt đường. Hiện nay bà đã quy tiên, ông đang ở nhà cấp bốn 04 gian trên diện tích đất 377m2, hướng Đông Nam cạnh đường liên xã, hướng tây giáp ông H , Hướng Đông Bắc giáp ông Hu , sau nhà giáp ông H . Nay gia đình các con trai gái họp bàn ủy quyền cho 04 ông bà gồm: Nguyễn Văn H , Nguyễn Thị T , Nguyễn Thị C , Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm tu bổ thờ cúng tổ tiên lâu dài, không có quyền bán, chuyển nhượng, đổi chác hay tặng cho ai”. Sau khi tôi viết xong Bản di chúc ngày 28/4/2015 thì cụ K ký tên “K ” vào cuối bản di chúc. Các ông bà có mặt đều ký tên xác nhận vào phần họ tên của các ông bà. Tôi chỉ viết hộ tôi không ký vào bản di chúc. Sau khi tôi viết xong bản di chúc thì ông H cầm bản di chúc đến nhà ông Mai Xuân T là trưởng thôn xin chứng thực. Thực tế ông Mai Xuân T không có mặt tại nhà cụ K .

Người làm chứng là ông Mai Xuân T trình bày tại Bản tự khai ngày 01/7/2021: Tôi là trưởng thôn H xã X từ năm 2010 cho đến nay. Vào ngày 28/4/2015 khi đó tôi đang ở nhà thì có ông Nguyễn Văn H là con của cụ Nguyễn Văn K đem Bản di chúc của cụ K lên nhờ tôi xác nhận. Trong bản di chúc thể hiện là cụ K lập di chúc dưới sự chứng kiến của các con, cụ K chia di sản thừa kế cho các con. Trong bản di chúc của cụ K tôi thấy các con của cụ K đều đã ký tên nên tôi mới ký xác nhận chứ tôi không chứng kiến lúc cụ K lập di chúc. Tôi cũng không biết bản di chúc là do cụ K viết hay nhờ ai viết hộ.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đều đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật TTDS xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Q ; Chị Lê Thị H và quỹ tín dụng Xuân Thiên , Người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Doãn L ; Căn cứ vào các điều điều 623; 633, 636, 649; 650, 651; 652; 660 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc tranh chấp di sản thừa kế; Đối với các bản di chúc do cụ K để lại đều không hợp pháp; Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông T, bà C , bà Đ , anh T và chị H đều đề nghị Tòa án chia theo pháp luật vì vậy đề

ng nghị HĐXX chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn K và cụ Lê Thị V theo pháp luật cho các đồng thừa kế. Ông Hu đề nghị do ông đã nhận được phần diện tích đất bố mẹ cho nên ông từ chối nhận phần di sản do bố mẹ để lại. Do đó Di sản thừa kế của cụ K và cụ V chia đều cho 5 đồng thừa kế, mỗi người được nhận  $86,5m^2 \times 1.500.000đ = 129.750.000đ$ . Riêng phần của ông H chia đều cho các con của ông H gồm: Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H, mỗi kỹ phần là  $86,5m^2 : 4 = 21,6m^2$  trị giá = 32.437.500đ. Anh T giao lại kỹ phần của anh được hưởng cho chị H nên chị Hằng được hưởng 64.875.000đ. Chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất cho bà T, anh P và anh Q; Chia giá trị bằng tiền cho ông T, bà Đ, bà C và chị H g. Buộc bà T, anh P và anh Q giao lại giá trị bằng tiền cho ông T, bà Đ, bà C và chị H; Đề nghị HĐXX miễn án phí DSST cho các ông bà gồm: Ông T, bà T, bà C và bà Đ; Buộc anh P, anh Q, chị H phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật; Công nhận sự tự nguyện chịu chi phí tố tụng của bà T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Vụ án Tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, nơi cư trú của Bị đơn theo quy định tại khoản 5 điều 26, các điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thự và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Văn Hu, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H đều ủy quyền cho chị Doãn Thị T tham gia tố tụng. Ông Lê Văn T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T tham gia tố tụng. Tại phiên vắng mặt Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Q, chị Lê Thị H và Người đại diện theo ủy quyền của Quỹ tín dụng X là ông Ngô Doãn L. Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng anh Q, chị H và ông L vẫn vắng mặt nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P là tranh chấp di sản thừa kế.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn K và cụ Lê Thị V theo pháp luật thì HĐXX thấy rằng:

Theo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn là bà T xuất trình thì: Vào khoảng năm 1938 cụ ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1915, kết hôn với cụ bà Lê Thị V, sinh năm 1914. Năm 2000 cụ V chết, năm 2016 cụ K chết. Do đó yêu cầu của Nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ K và cụ V vẫn còn thời hiệu theo quy định tại khoản 1 điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được HĐXX chấp nhận.

Qua xem xét cả 03 bản di chúc do các đương sự xuất trình thì HĐXX thấy rằng:

Giấy thừa kế ngày 01/01/2005 chỉ có chữ viết không có chữ ký của cụ ông Nguyễn Văn K . Mặt khác tiếp đến ngày 16/4/2015 cụ Nguyễn Văn K lập tiếp Bản di chúc có dấu vân tay điểm chỉ của cụ Nguyễn Văn K , có xác nhận của UBND xã X ngày 17/4/2015: Bản di chúc gồm 02 tờ nhưng không có dấu giáp lai. Tiếp đến ngày ngày 28/4/2015 cụ Nguyễn Văn K lập bản di chúc có chữ viết tên của cụ K , ông H , bà T , bà C , bà Đ đều ký tên vào phần họ tên của các ông bà có tên trong bản di chúc, có xác nhận của thôn, trưởng thôn ký tên.

Như vậy trong 03 bản di chúc các đương sự xuất trình cho Tòa án xét về thứ tự thời gian thì Bản di chúc ngày 28/4/2015 là Bản di chúc cuối cùng của cụ Nguyễn Văn K . Theo quy định tại khoản 5 điều 667 Bộ luật dân sự năm 2005 tương ứng với khoản 5 điều 634 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “ Khi một người để lại nhiều bản di chúc đối với một tài sản thì chỉ bản di chúc sau cùng có hiệu lực pháp luật”. Do đó Bản di chúc ngày 28/4/2015 là bản di chúc có hiệu lực pháp luật, hai bản di chúc ngày 01/01/2005 và ngày 16/4/2015 không có hiệu lực pháp luật.

Khi xem xét về hình thức của bản di chúc ngày 28/4/2015 thì HĐXX thấy rằng: Bản di chúc được lập thành văn bản không có người làm chứng. Theo quy định tại điều 655 Bộ luật dân sự năm 2005 tương ứng điều 633 Bộ luật dân sự năm 2015 Di chúc không có người làm chứng thì người lập di chúc phải tự viết và ký vào bản di chúc nhưng bản di chúc ngày 28/4/2015 do ông Lê Văn C con rể của cụ K viết hộ không phải do người lập di chúc tự viết. Sau khi viết hộ ông Lê Văn C không ký với tư cách là người làm chứng và không ký với tư cách người viết hộ. Mặt khác bản di chúc ngày 28/4/2015 có xác nhận của BCH thôn H do trưởng thôn là ông Mai Xuân T ký. Nội dung xác nhận: “Biên bản họp gia đình và chữ ký của các thành viên trong biên bản là đúng”. Tại bản tự khai của ông Mai Xuân T trình bày: Ông T công nhận chữ viết và chữ ký của ông T trong bản di chúc ngày 28/4/2015 là đúng của ông T nhưng ngày 28/4/2015 ông T không có mặt tại nhà cụ K và không biết bản di chúc do ai viết. Ông H con cụ K cầm bản di chúc ngày 28/4/2015 đến nhà ông xin xác nhận và ông đã viết xác nhận vào bản di chúc này. Do đó việc xác nhận của ông Mai Xuân T là không đúng thẩm quyền và trái quy định theo điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005 tương ứng điều 636 Bộ luật dân sự năm 2015. Mặt khác bản di chúc ngày 28/4/2015 không có bản gốc chỉ có bản po to đen trắng.

Vì vậy hình thức của bản di chúc ngày 28/4/2015 trái quy định pháp luật nên di chúc không hợp pháp. Do đó yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của bị đơn không được chấp nhận. HĐXX chia di sản thừa kế của cụ K và cụ V theo pháp luật.

Sinh thời cụ Nguyễn Văn K và cụ Lê Thị V tạo lập được thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Thôn H xã Xu , huyện T , tỉnh T ; Diện tích 432,5 m<sup>2</sup>.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GC 196822, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 4599 ngày 14/11/2016, mang tên hộ ông Nguyễn Văn K. Theo Biên bản xác minh và định giá tài sản ngày 09/3/2021 thì thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 trị giá 648.750.000đ.

Các đồng thừa kế đều công nhận: Khi cụ K và cụ V còn sống đã cho ông Hu và ông H mỗi người một phần diện tích đất có chiều rộng mặt đường liên xã (nay là tỉnh lộ 506b) là 10m. Ông Hu đã tách thửa và đã được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 196821 ngày 14/11/2016 với diện tích 211,7m<sup>2</sup>. Phần diện tích đất của ông H được cụ K và cụ V cho nhưng đã chuyển nhượng cho ông Lê Đình Đ 05m mặt đường, diện tích 136,9m<sup>2</sup> và đã tách thành thửa đất số 77 tờ bản đồ số 14 cùng địa chỉ thôn H xã X; Phần còn lại 5m mặt đường, diện tích 147m<sup>2</sup> chưa tách thửa và vẫn nằm trong diện tích 432,5 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GC 196822, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 4599 ngày 14/11/2016, mang tên hộ ông Nguyễn Văn K. Do đó diện tích đất của cụ K và cụ V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GC 196822, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 4599 ngày 14/11/2016 là 432,5 m<sup>2</sup> trị giá 648.750.000đ sẽ chia theo pháp luật cho các đồng thừa kế.

Hai cụ K và cụ V sinh được 05 người con và 01 người con nuôi. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Lê Văn T, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Hu, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Đ. Ông Hu không yêu cầu được hưởng di sản thừa kế nên còn lại 05 kỷ phần gồm: Ông T, ông H, bà T, bà C, bà Đ. Mỗi kỷ phần theo pháp luật là 432,5 m<sup>2</sup>, trị giá 648.750.000đ chia cho 5 = 86,5 m<sup>2</sup>, trị giá 129.750.000đ.

Ông Nguyễn Văn H kết hôn vợ là bà Nguyễn Thị C sinh được 02 người con là anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H. Năm 1977 ông Nguyễn Văn H ly hôn với bà Nguyễn Thị C. Năm 1981 ông H kết hôn với bà Nguyễn Thị Q và sinh được 02 người con là anh Nguyễn Văn Q và anh Nguyễn Văn P. Bà Q đã chết. Ông H có 04 con nên thừa kế thế vị của ông H gồm các con của ông H là: Anh T, chị H, anh Q và anh P. Kỷ phần của ông H sẽ được chia cho 04 con của ông H, mỗi người con sẽ được  $\frac{1}{4}$  kỷ phần của ông H, tức là 86,5m<sup>2</sup>: 4 = 21,625m<sup>2</sup> trị giá = 32.437.500đ.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản xác minh và định giá tài sản ngày 09/3/2021 thì thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 có kích thước như sau:

- Chiều rộng hướng Đông nam mặt đường liên xã là 16,46m
- Chiều rộng hướng Tây Bắc giáp thửa số 39 là 14,49m
- Chiều dài hướng Tây Nam giáp thửa 77 là 27,16m
- Chiều dài hướng Đông Bắc giáp thửa số 68 là 28,98m.

Tổng diện tích là 432,5m<sup>2</sup> trị giá 648.750.000đ.

Hiện tại trên thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 gồm có: 01 ngôi nhà hai tầng diện tích 95m<sup>2</sup> do anh Nguyễn Văn P xây dựng năm 2018, trị giá 633.631.000đ trên diện tích đất 142m<sup>2</sup>; 01 ngôi nhà 02 tầng và nhà cấp 4 phía sau diện tích 96m<sup>2</sup> do anh Nguyễn Văn Q xây dựng năm 2018, trị giá 399.974.000đ trên diện tích đất 147m<sup>2</sup>; 01 nhà cấp 4(nhà thờ) tường xây gạch không nung, nền lát gạch ceramic, mái lợp ngói, điện chiếu sáng hoàn chỉnh, diện tích 22,14m<sup>2</sup> trị giá 39.816m<sup>2</sup>; 02 cánh cổng sắt trị giá 4.463.000đ; 02 cột cổng trị giá 172.000đ; 01 sân gạch trị giá 3.894.000đ, tổng trị giá = 48.345.000đ. Toàn bộ công trình do anh Nguyễn Văn P xây dựng năm 2019, trên diện tích đất 143,5m<sup>2</sup>.

Toàn bộ thửa đất trên do anh P và anh Q quản lý và đã xây dựng nhà kiên cố trên thửa đất. Để đảm bảo giá trị tài sản đã xây dựng trên đất nên HĐXX sẽ chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đã xây dựng nhà là 142m<sup>2</sup> trị giá 213.000.000đ cho anh P ; Chia cho anh Q diện tích đất đã xây dựng nhà là 147m<sup>2</sup> trị giá 220.500.000đ. Hiện tại phần diện tích đất còn lại là 143,5m<sup>2</sup> trị giá 218.250.000đ sẽ chia bằng hiện vật cho bà T ; Còn lại ông T , bà C và bà Đ sẽ được chia giá trị bằng tiền.

Phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất buộc anh P , anh Q và bà T phải giao lại cho các đồng thừa kế khác giá trị bằng tiền.

Về phần tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4(nhà thờ), xây dựng năm 2019 trị giá 39.816.000đ; 02 cánh cổng sắt trị giá 4.463.000đ; 02 cột cổng trị giá 172.000đ; 01 sân gạch trị giá 3.894.000đ, tổng trị giá = 48.345.000đ. Toàn bộ tài sản trên do anh P xây dựng và đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh P , không phải là di sản thừa kế. Hiện tại toàn bộ tài sản trên tọa lạc trên phần diện tích đất 143,5m<sup>2</sup> chia cho bà T nên HĐXX giao toàn bộ tài sản trên cho bà T được quyền sở hữu và buộc bà T chịu trách nhiệm giao lại giá trị bằng tiền cho anh P .

Cụ Nguyễn Văn K lập các bản di chúc vào các năm 2005, 2015, tại thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật. HĐXX đối chiếu các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để xem xét đánh giá các bản di chúc của cụ K thì các điều luật tương ứng của Bộ luật dân sự năm 2015 đều tương ứng và có nội dung giống các điều luật của bộ luật dân sự năm 2015. Do đó HĐXX căn cứ vào các điều luật của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Vì vậy HĐXX căn cứ vào các điều 623; 633, 636, 649; 650, 651; 652; 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn K và cụ Lê Thị V theo pháp luật cho các đồng thừa kế như sau:

Bà T được quyền sử dụng 143,5m<sup>2</sup> đất ở trị giá 218.250.000đ trừ phần bà được hưởng 01 kỷ phần là 86,5m<sup>2</sup> trị giá 129.750.000đ, phần còn lại 57m<sup>2</sup> trị giá

85.500.000đ buộc bà T phải giao lại cho ông T ; Bà T được quyền sở hữu tài sản trên đất trị giá 48.345.000đ nhưng bà phải trả lại giá trị tài sản trên đất cho anh P là 48.345.000đ.

Anh P được quyền sử dụng 142 m<sup>2</sup> đất ở trị giá 213.000.000đ trừ kỷ phần anh Phương được hưởng(1/4 kỷ phần của ông H ) là 21,625m<sup>2</sup> trị giá 32.437.500đ, phần còn lại 120,375m<sup>2</sup> trị giá 180.562.500đ buộc anh P phải giao lại cho bà Đ 86,5m<sup>2</sup> trị giá 129.750.000đ; Giao lại cho bà C 33,875m<sup>2</sup> trị giá 50.812.500đ. Anh P và chị H được quyền sở hữu tài sản trên đất.

Anh Q được quyền sử dụng 147 m<sup>2</sup> đất ở trị giá 220.500.000đ trừ kỷ phần anh Q được hưởng(1/4 kỷ phần của ông H ) là 21,625m<sup>2</sup> trị giá 32.437.500đ, phần còn lại 125,375m<sup>2</sup> trị giá 188.062.500đ buộc anh Q phải giao lại cho bà C 52,625m<sup>2</sup> trị giá 78.937.500đ; Giao lại cho ông T 29,5m<sup>2</sup> trị giá 44.250.000đ; Giao lại cho chị H 43,25m<sup>2</sup> trị giá 64.875.000đ. Anh Q và chị T được quyền sở hữu tài sản trên đất.

Ông T được nhận giá trị bằng tiền do bà T giao lại là 85.500.000đ, do anh Q giao lại là 44.250.000đ. Tổng = 129.750.000đ.

Bà C được nhận giá trị bằng tiền do anh P giao lại là 50.812.500đ, do anh Q giao lại là 78.937.500đ. Tổng = 129.750.000đ.

Bà Đ được nhận giá trị bằng tiền do anh P giao lại 129.750.000đ.

Chị H được nhận giá trị bằng tiền do Q giao lại là 64.875.000đ.

Các đương sự tự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị T , ông Lê Văn T , bà Nguyễn Thị Đ , bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12; Điều 15 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH; Anh P , anh Q và chị H phải chịu án phí DSST đối với giá trị phần tài sản được chia theo quy định tại điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH và khoản 2 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Bà T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 6.000.000đ nay bà T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng này nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của bà T .

Trong vụ án này người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Quỹ tín dụng X do ông Ngô Doãn L là người đại diện theo ủy quyền có yêu cầu Bị đơn là anh Nguyễn Văn P phải trả nợ số tiền vay là 50.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng

20211 - 00088/HĐTD ngày 23/02/2021 do có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG196822 mang tên ông Nguyễn Văn K . HĐXX xét thấy mối quan hệ giữa anh Nguyễn Văn P và quỹ tín dụng X là quan hệ tranh chấp Hợp đồng tín dụng nên HĐXX không xem xét yêu cầu của Quỹ tín dụng X và giành quyền khởi kiện cho Quỹ tín dụng X đối với anh Nguyễn Văn P bằng vụ án dân sự khác.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 5 điều 26; Điều 35; Điều 39; Điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật TTDS xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Q ; Chị Lê Thị H và Quỹ tín dụng X , người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Doãn L .

Căn cứ vào các điều điều 623; 633, 636, 649; 650, 651; 652; 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn P ;

Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn K và cụ Lê Thị V theo pháp luật cho các đồng thừa kế như sau:

Chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất:

Chia phần bà Nguyễn Thị T được hưởng di sản thừa kế cụ thể như sau: Bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 143,5m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14; Địa chỉ: Thôn H xã X , huyện T , tỉnh T có kích thước như sau:

- Chiều rộng hướng Đông Nam mặt đường liên xã là 5,96m
- Chiều rộng hướng Tây Bắc giáp thửa số 39 là 4,29m
- Chiều dài hướng Tây Nam giáp phần đất của anh Q là 28,30m
- Chiều dài hướng Đông Bắc giáp phần đất của anh P g là 28,37m.

Tổng diện tích là 143,5m<sup>2</sup> trị giá 218.250.000đ.

Giao cho bà T được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4(nhà thờ) tường xây gạch không nung, nền lát gạch ceramic, mái lợp ngói, điện chiếu sáng hoàn chỉnh, diện tích 22,14m<sup>2</sup> trị giá 39.816m<sup>2</sup>; 02 cánh cổng sắt trị giá 4.463.000đ; 02 cột cổng trị giá 172.000đ; 01 sân gạch trị giá 3.894.000đ, tổng trị giá = 48.345.000đ(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 09/3/2021)

Buộc bà Nguyễn Thị T phải giao lại cho anh Nguyễn Văn P giá trị tài sản trên đất là 48.345.000đ.

Chia phần anh Nguyễn Văn P được hưởng di sản thừa kế (1/4 kỷ phần của ông H ) cụ thể: Anh P được quyền sử dụng 142 m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14; Địa chỉ: Thôn H xã X , huyện T , tỉnh T có kích thước như sau:

- Chiều rộng hướng Đông Nam mặt đường liên xã là 5,0m
- Chiều rộng hướng Tây Bắc giáp thửa số 39 là 4,95m
- Chiều dài hướng Tây Nam giáp phần đất của bà T là 28,37m
- Chiều dài hướng Đông Bắc giáp thửa 68 là 28,98m.

Tổng diện tích là 142m<sup>2</sup>, trị giá trị giá 213.000.000đ.

Anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị H được quyền sở hữu tài sản trên đất (Nhà và công trình xây dựng của anh P theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 09/3/2021)

Chia phần anh Nguyễn Văn Q được hưởng di sản thừa kế (1/4 kỷ phần của ông H ) cụ thể: Anh Q được quyền sử dụng 147 m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14; Địa chỉ: Thôn H xã X , huyện T , tỉnh T có kích thước như sau:

- Chiều rộng hướng Đông Nam mặt đường liên xã là 5,5m
- Chiều rộng hướng Tây Bắc giáp thửa số 39 là 5,25m
- Chiều dài hướng Tây Nam giáp thửa đất số 77 là 27,16m
- Chiều dài hướng Đông Bắc giáp phần đất của bà T là 28,30m.

Tổng diện tích là 147m<sup>2</sup>, trị giá trị giá 220.500.000đ.

Anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị T được quyền sở hữu tài sản trên đất (Nhà và công trình xây dựng của anh Q theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 09/3/2021).

Các đương sự tự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chia di sản thừa kế giá trị bằng tiền:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải giao cho ông Lê Văn T giá trị tài sản chia di sản thừa kế 57m<sup>2</sup> đất ở là 85.500.000đ.

Buộc anh Nguyễn Văn P phải giao cho bà Nguyễn Thị Đ giá trị tài sản chia di sản thừa kế 86,5m<sup>2</sup> đất ở là 129.750.000đ; Giao cho bà Nguyễn Thị C giá trị tài sản chia di sản thừa kế 33,875m<sup>2</sup> đất ở là 50.812.500đ.

Buộc anh Nguyễn Văn Q phải giao lại cho các đồng thừa kế gồm: Ông Lê Văn T giá trị tài sản chia di sản thừa kế 29,5m<sup>2</sup> đất ở là 44.250.000đ; Bà Nguyễn Thị C giá trị tài sản chia di sản thừa kế 52,625m<sup>2</sup> đất ở là 78.937.500đ; Chị

Nguyễn Thị H giá trị tài sản chia di sản thừa kế 43,25m<sup>2</sup> đất ở là 64.875.000đ(kỷ phần của chị H và anh T );

Ông Lê Văn T được nhận giá trị bằng tiền do bà Nguyễn Thị T giao lại là 85.500.000đ, do anh Nguyễn Văn Q giao lại là 44.250.000đ. Tổng = 129.750.000đ.

Bà Nguyễn Thị C được nhận giá trị bằng tiền do anh Nguyễn Văn P giao lại là 50.812.500đ, do anh Nguyễn Văn Q giao lại là 78.937.500đ. Tổng = 129.750.000đ.

Bà Nguyễn Thị Đ được nhận giá trị bằng tiền do anh P giao lại 129.750.000đ.

Chị Nguyễn Thị H được nhận giá trị bằng tiền do Q giao lại là 64.875.000đ.

Về án phí và chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 2 điều 147; Điều 157; Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12; Điều 15; Điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí DSST là 1.621.875đ;

Buộc anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí DSST là 1.621.875đ;

Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí DSST là 3.243.750đ;

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản đã nộp 6.000.000đ.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát ND huyện Thọ Xuân
- Các DS
- Thi hành án DS huyện Thọ Xuân
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hằng**